

Số: 423/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 24 tháng 02 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của
Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong
giai đoạn 2021-2030**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng;

Căn cứ Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững;

Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-UBND ngày 09 tháng 01 năm 2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt kết quả rà soát quy mô quản lý rừng và đất lâm nghiệp giai đoạn 2011-2020 của các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 944/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch bảo vệ phát triển rừng tỉnh Thừa Thiên Huế giai đoạn 2009-2020;

Căn cứ Quyết định số 2478/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc phê duyệt Kết quả kiểm kê rừng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 240/TTr-SNNPTNT ngày 09 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong giai đoạn 2021-2030 (sau đây viết tắt là phương án) với nội dung như sau:

1. Hiện trạng sử dụng đất và tài nguyên rừng

a) Hiện trạng sử dụng đất

Tổng diện tích đất quản lý là 4.799,60 ha, bao gồm 19 tiểu khu, thuộc địa giới hành chính các xã, phường: Thủy Phương, Thủy Dương, Phú Sơn, Thủy Bằng (thị xã Hương Thủy); Hương Bình, Bình Tiến, Bình Thành, Hương Thọ, Hương Hồ (thị xã Hương Trà); An Tây, An Cựu, Thủy Xuân (thành phố Huế), được phân theo các loại đất như sau:

STT	Loại đất	Mã	Tổng diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích đất quản lý		4.799,60	100,0
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.793,74	99,9
1.1	Đất lâm nghiệp	LNP	4.793,74	99,9
1.1.1	Đất rừng sản xuất	RSX	2.815,10	58,7
1.1.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	1.454,60	30,3
1.1.3	Đất rừng đặc dụng	RDD	524,04	10,9
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	5,86	0,1
2.1	Đất chuyên dùng	CDG	5,86	0,1
2.1.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,40	
2.1.2	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4,78	
2.1.3	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,68	

b) Hiện trạng tài nguyên rừng

Tổng diện tích rừng và đất rừng quản lý là 4.793,74 ha, bao gồm các tiểu khu: 91, 113, 114, 118, 120, 121, 122, 123, 124, 125, 129, 135, 140, 147, 149, 153, 154, 155, 157.

Trong đó:

- Phân theo quy hoạch 3 loại rừng:
 - + Diện tích rừng sản xuất: 2.700,70 ha (chiếm 56,34%).
 - + Diện tích rừng phòng hộ: 1.474,50 ha (chiếm 30,76%).
 - + Diện tích rừng đặc dụng: 524,04 ha (chiếm 10,93%).
 - + Diện tích ngoài 3 loại rừng: 94,50 ha (chiếm 1,97%).
- Phân theo hiện trạng tài nguyên rừng:

STT	Phân loại rừng	Đơn vị tính	Diện tích (ha)
	Tổng cộng		4.793,74
I	Diện tích có rừng		3.779,00
1	Rừng tự nhiên	ha	490,97
-	Rừng thứ sinh	ha	490,97
2	Rừng trồng	ha	3.288,03
-	Trồng mới trên đất chưa có rừng	ha	1.728,55
-	Trồng lại sau khi khai thác rừng đã có	ha	1.559,48
II	Diện tích chưa có rừng quy hoạch cho lâm nghiệp	ha	1.014,74
1	Diện tích có rừng trồng chưa thành rừng	ha	821,59
2	Diện tích có cây gỗ tái sinh	ha	96,78
3	Diện tích khác trong lâm nghiệp	ha	96,37

2. Mục tiêu phương án

a) Về kinh tế: Quản lý, sử dụng hiệu quả 4.793,74 ha đất lâm nghiệp Nhà nước giao; cung ứng ổn định gỗ nguyên liệu khoảng 35.000-40.000m³/ năm cho thị trường; nâng cao chất lượng rừng trồng, trữ lượng rừng trồng đạt 250-300 m³/ha/chu kỳ 8-10 năm; đóng góp ngân ngân sách Nhà nước năm sau cao hơn năm trước.

b) Về môi trường: Thông qua các hoạt động trồng rừng và chăm sóc, bảo vệ rừng duy trì độ che phủ rừng lên 87,5%, tăng độ phì của đất và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường, biến đổi khí hậu; bảo vệ đất, nguồn nước, chất lượng nước và đa dạng sinh học trong khu vực.

c) Về xã hội: Tạo nhiều việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên Công ty, người dân địa phương sống gần rừng và ven rừng; khuyến khích cộng đồng địa phương, vùng lân cận cũng như các tổ chức quản lý rừng trong tỉnh cùng tham gia quản lý rừng bền vững.

3. Kế hoạch triển khai thực hiện phương án

a) Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030

Trên cơ sở số liệu và hiện trạng về đất đai được Nhà nước giao, kế hoạch sử dụng đất của đơn vị giai đoạn 2021-2030 như sau:

- Quản lý tốt diện tích 4.793,74ha đất rừng, trong đó: Diện tích quy hoạch vùng quản lý, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học là nơi cư trú, sinh sản của các loài động thực vật là 860,6 ha; diện tích quy hoạch vùng sản xuất, kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng là 2.256,6 ha; diện tích rừng đặc dụng, phòng hộ 1.676,54ha khác được quản lý bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có theo Giấy chứng nhận và ranh giới quy hoạch quản lý của UBND tỉnh.

b) Kế hoạch phát triển rừng

- Tham gia chứng chỉ rừng với diện tích 3.117,2 ha, trong đó: diện tích quy hoạch vùng quản lý, bảo vệ nguồn nước, bảo tồn đa dạng sinh học là nơi cư trú, sinh sản của các loài động thực vật là 860,6 ha, diện tích quy hoạch vùng sản xuất, kinh doanh đáp ứng tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng là 2.256,6 ha.

- Sản xuất cây giống:

Sản xuất cây giống trồng rừng chủ yếu là các dòng keo nuôi cấy mô, cây bản địa, hoa, cây ăn quả, dược liệu với số lượng 102,92 triệu cây.

- Kế hoạch trồng và chăm sóc rừng sản xuất:

- + Diện tích từ 200-250 ha/năm, đối tượng là đất sau khai thác rừng trồng, loài cây trồng chủ yếu là keo mô; 10-15 ha/năm cây gỗ khác (thông caribê, bản địa); 20 ha/năm hỗn giao keo - bản địa.

- + Trồng bổ sung một số loài bản địa tại các đai xanh, vùng đệm ven khe suối, vùng khoanh nuôi, phục hồi tự nhiên, bình quân từ 30-50 cây/ha.

- + Biện pháp kỹ thuật: Áp dụng quy trình, quy phạm hiện hành.

- Kế hoạch trồng và chăm sóc rừng đặc dụng, phòng hộ:

- + Dự án rừng mưa nhiệt đới: Sưu tầm, trồng các loài cây bản địa đặc hữu, quý hiếm đặc trưng của khu hệ rừng mưa nhiệt đới với khoảng 50 loài cây, quy mô 67,06 ha, thời gian thực hiện từ năm 2015-2022. Địa điểm thực hiện tại khoảnh 3; 4 tiểu khu 91 và khoảnh 1; 2 tiểu khu 154.

- + Tiếp tục quản lý, bảo vệ vườn thực vật cây bản địa tại khu vực Chín Hầm (hiện còn 20 ha) và trồng cây Lim xanh, cây bản địa phù hợp làm đai xanh tại các khu vực rừng thông.

c) Kế hoạch khai thác lâm sản

- Khai thác gỗ rừng trồng sản xuất:

Diện tích khai thác rừng khoảng 220 ha/năm. Sản lượng khai thác ước đạt 35.000 m³- 40.000 m³/năm.

- Khai thác nhựa thông:

Diện tích khoảng 300 ha/năm, tại các tiểu khu 113, 120, 121, 129, 135, 149; áp dụng hình thức khai thác dưỡng đối với rừng thông. Sản lượng nhựa khai thác dự kiến từ 110 tấn/năm.

d) Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng

Xây dựng mới, duy tu bảo dưỡng đường lâm sinh, đường phòng cháy chữa cháy rừng; mở rộng cơ sở sản xuất nuôi cấy mô; xây dựng hệ thống nhà lưới để sản xuất các loài hoa lan và loài hoa khác; xây dựng vườn ươm cây ăn quả, cây công trình đô thị.

đ) Kế hoạch bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng và phòng trừ sâu bệnh hại rừng

- Bảo vệ rừng: Thường xuyên tuần tra, kiểm tra để theo dõi sâu bệnh hại, gia súc, phòng cháy chữa cháy rừng. Kịp thời ngăn ngừa, phát hiện xử lý các hành vi lấn chiếm, xâm hại rừng. Kết hợp với chính quyền địa phương, Hạt kiểm lâm, cơ quan pháp luật làm tốt công tác quản lý, bảo vệ rừng.

- Phòng cháy, chữa cháy rừng: Xây dựng, thực hiện theo phương án phòng cháy, chữa cháy rừng hằng năm.

- Phòng trừ sâu bệnh hại rừng: Điều tra, theo dõi tình hình sâu bệnh hại để nhanh chóng phát hiện sinh vật gây hại. Áp dụng biện pháp phòng trừ tổng hợp dịch hại IPM (Intergrated Pest Management) đối với vườn ươm và rừng trồng với các biện pháp như: Kiểm dịch, vật lý cơ giới, kỹ thuật lâm sinh, chế phẩm sinh học.

e) Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhân lực

- Tập huấn đào tạo kiến thức về quy trình kỹ thuật, quản lý rừng bền vững; sơ cấp cứu và an toàn lao động của từng lĩnh vực thường xuyên trước khi thực hiện các nhiệm vụ sản xuất.

- Đối tượng đào tạo: Cán bộ công nhân viên Công ty, công nhân nhà thầu.

g) Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng

Phối hợp với chính quyền địa phương, lực lượng kiểm lâm trong việc triển khai thực hiện Chỉ thị, kế hoạch, ký cam kết bảo vệ rừng với các thôn, hộ dân sống trong rừng và ven rừng trên địa bàn công ty quản lý.

h) Theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, đa dạng sinh học, điều tra kiểm kê rừng

Điều tra, theo dõi diễn biến tài nguyên rừng là công tác được thực hiện thường xuyên, kịp thời bằng phần mềm theo dõi diễn biến rừng trên thiết bị di động (FRMS mobile). Kết quả theo dõi được tích hợp vào cơ sở dữ liệu theo dõi diễn biến rừng toàn tỉnh.

Thực hiện các hoạt động giám sát đa dạng sinh học để xác định các loài động, thực vật nguy cấp.

i) Kế hoạch bảo vệ môi trường

- Đối với vùng quy hoạch quản lý, bảo vệ làm đai xanh (860,6 ha): Quản lý, bảo vệ không khai thác hoặc khai thác có kiểm soát, bao gồm vùng đệm ven khe suối, diện tích có cây gỗ tái sinh, đai xanh là rừng thông.

- Đối với hoạt động khai thác: Có kế hoạch khai thác hàng năm thể hiện rõ diện tích, địa điểm, bản đồ cấp lô để tính toán cân đối hợp lý giữa các lợi ích kinh tế, môi trường, xã hội. Áp dụng kỹ thuật khai thác tác động thấp để giảm thiểu thấp nhất tác động đến môi trường.

- Đối với hoạt động trồng, chăm sóc rừng: Đảm bảo không tác động vào đai xanh, vùng đệm; trồng bổ sung 1 hoặc 2 hàng cây bản địa ở vùng đai xanh ven khe suối; trồng cây ngay sau khi khai thác; tăng dần diện tích hỗn giao giữa keo và cây bản địa.

- Lập kế hoạch giám sát tác động môi trường, kiểm tra, duy tu bảo dưỡng những công trình có nguy cơ gây tác động đến môi trường.

- Áp dụng các biện pháp giảm thiểu đến thủy văn và chất lượng nước: Giữ lại hành lang bảo vệ ở hai bên bờ suối, trồng cây bản địa hoặc cây rừng lâu năm, thu gom các phế liệu của các hoạt động sản xuất lâm nghiệp để xử lý theo đúng quy định. Bố trí các lô khai thác xen kẽ ở nhiều khu vực, không tập trung khai thác trên vùng có diện tích lớn 50ha.

4. Khái toán nhu cầu vốn và nguồn vốn đầu tư

a) Tổng hợp nhu cầu vốn cho kế hoạch quản lý rừng bền vững

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Hạng mục	Tổng	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
1	Mở rộng cơ sở sản xuất công nghệ cao	14.780	8.895	5.885
1.1	Cơ sở nuôi cấy mô	8.280	4.000	4.280
1.2	Nhà lưới sản xuất hoa lan, hoa khác	3.105	1.500	1.605
1.3	Vườn ươm cây ăn quả, cây công trình (5ha)	3.395	3.395	-

STT	Hạng mục	Tổng	Giai đoạn 2021-2025	Giai đoạn 2026-2030
2	Trồng, chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng	90.346	43.645	46.701
2.1	Cây keo nuôi cấy mô	73.983	35.741	38.242
2.2	Các loài cây bản địa, thông caribê	8.308	4.014	4.295
2.3	Cây trầm gió	8.055	3.891	4.164
3	Chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2030	23.531	11.368	12.163
3.1	Cây keo nuôi cấy mô	15.398	7.439	7.960
3.2	Các loài cây bản địa, thông caribê	1.779	860	920
3.3	Cây trầm gió	923	446	477
3.4	Chi phí khác	5.430	2.623	2.807
4	Hạ tầng phục vụ (đường lâm sinh, đường phòng cháy chữa cháy rừng, chòi canh lửa rừng...)	3.105	1.500	1.605
5	Duy trì, đánh giá chứng chỉ rừng	5.775	2.790	2.985
6	Các hoạt động công ích: Quản lý bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	7.763	3.750	4.013
	Tổng cộng	148.285	71.948	76.337

b) Nguồn vốn đầu tư

Các hoạt động quản lý rừng bền vững được đầu tư từ nguồn vốn của Công ty (bao gồm vốn chủ sở hữu được bổ sung hằng năm) và các nguồn vốn khác.

5. Giải pháp thực hiện

Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong triển khai thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững thông qua hệ thống các giải pháp về đất đai; quản lý, sử dụng rừng; tổ chức lao động; sản phẩm và tiếp thị; vốn; công nghệ, nghiên cứu phát triển.

(Nội dung chi tiết thể hiện ở Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2030 của Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong)

Điều 2. Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng nội dung phương án được phê duyệt; kiểm tra, giám sát nội bộ, đánh giá các hoạt động; kết thúc năm kế hoạch,

báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về kết quả thực hiện phương án quản lý rừng bền vững.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Công Thương; Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Chủ tịch và Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước 1 Thành viên Lâm nghiệp Tiên Phong và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- VP: LĐ và các CV: KH, TH TC, ĐC;
- Lưu: VT, NN.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Phương